

Số: 3143 / QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Nghiệm thu khối lượng giờ giảng, thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền
thỉnh giảng (hoạt động giảng dạy) học kỳ I năm học 2025-2026
(Bổ sung lần 1)**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5906/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Nghị quyết số 5813/NQ-HĐHV ngày 22 tháng 11 năm 2021 và được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐHV ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Xét hợp đồng thỉnh giảng ký kết giữa giảng viên thỉnh giảng và Học viện Nông nghiệp Việt Nam; theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nghiệm thu khối lượng giờ giảng, thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền thỉnh giảng (hoạt động giảng dạy) học kỳ I năm học 2025-2026 (bổ sung lần 1) đối với các giảng viên thỉnh giảng theo danh sách đính kèm.

- | | |
|---|------------------|
| 1. Tổng số tiền thanh toán: | 50.692.500 đồng. |
| 2. Trừ số chia thừa năm/kỳ trước: | 0 đồng. |
| 3. Tổng số chi đợt này: | 50.692.500 đồng. |
| a) Số tiền giảng dạy đại học, cao đẳng: | 40.309.500 đồng. |
| b) Số tiền giảng dạy sau đại học: | 10.383.000 đồng. |

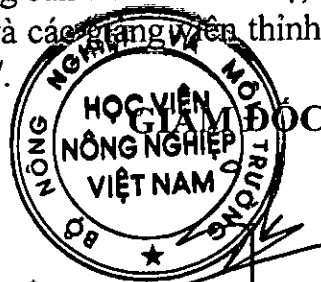
Bằng chữ: Năm mươi triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và các giảng viên thỉnh giảng có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.



Nguyễn Thị Lan

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN TIỀN GIẢNG DẠY (HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY) HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026
ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG (BỔ SUNG LẦN 1)



Kèm theo Quyết định số 3143 /QĐ-HVN ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Giảng dạy ĐH, CĐ		Giảng dạy SDH		Tổng số		Đã nhận/ Chi thừa* (đồng)	Còn lĩnh (đồng)	Ghi chú
				Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	TG558	Vũ Công	Cánh	30.1	4,063,500			30.1	4,063,500		4,063,500	
2	TG581	Ngô Thị Thanh	Tâm	4.4	660,000			4.4	660,000		660,000	
3	HD204	Trương Quang	Lâm			5.7	1,083,000	5.7	1,083,000		1,083,000	
4	MG418	Giang Thị	Huệ	68.6	9,261,000			68.6	9,261,000		9,261,000	
5	MG441	Thân Thị	Huyền	48.0	6,480,000			48.0	6,480,000		6,480,000	
6	MG457	Dương Thị	Loan	57.0	7,695,000			57.0	7,695,000		7,695,000	
7	MG458	Trịnh Thị	Nhâm	54.0	7,290,000			54.0	7,290,000		7,290,000	
8	MG459	Đặng Thị Thanh	Bình	36.0	4,860,000			36.0	4,860,000		4,860,000	
9	MOI68	Trần Thị Lan	Hương			32.5	6,825,000	32.5	6,825,000		6,825,000	
10	TG277	Tô Long	Thành			11.0	2,475,000	11.0	2,475,000		2,475,000	
			Tổng cộng	298.1	40,309,500	49.2	10,383,000	347.3	50,692,500		50,692,500	

* Số Đã nhận/Chi thừa: Do kỳ I năm học 2023-2024 tính nhằm đơn giá thanh toán

Tổng số tiền thanh toán: 50,692,500 đồng
Bằng chữ: Năm mươi triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng./.

BẢNG CHI TIẾT THANH TOÁN TIỀN GIẢNG DẠY (HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY) HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026
ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN THÌNH GIẢNG (BỔ SUNG LẦN 1)

(Kèm theo Quyết định số 3143 /QĐ-HVN ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)



STT	Mã CV	Họ đệm	Hợp đồng thỉnh giảng			Mã loại hình	Mã lớp	Mã học phần	Tên học phần	Giờ đại học/cao đẳng			Giờ sau đại học			Tổng số giờ (giờ)	Tổng số tiền (đồng)	Đã nhận/ Chi thừa (đồng)*	Còn lĩnh (đồng)	Ghi chú	
			Số, ký hiệu	Ngày, tháng, năm	Số giờ (giờ)					Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	HD204	Trương Quang Lâm	GV và TD	77/HDTG-HVN-VSVTN	01/08/2025	LTCH	CH33TYC CH33TYD6	VTN7016	Bệnh truyền nhiễm thú y				5.00	190,000	950,000	5.00	950,000		950,000		
2	HD204	Trương Quang Lâm	GV và TD	77/HDTG-HVN-VSVTN	01/08/2025	GKCH	CH33TYC CH33TYD6	VTN7016	Bệnh truyền nhiễm thú y				0.20	190,000	38,000	0.20	38,000		38,000		
3	HD204	Trương Quang Lâm	GV và TD	77/HDTG-HVN-VSVTN	01/08/2025	CKCH	CH33TYC CH33TYD6	VTN7016	Bệnh truyền nhiễm thú y				0.50	190,000	95,000	0.50	95,000		95,000		
4	MG418	Giang Thi Huệ	GV và TD	69/HDTG-HVN-CNTT	08/08/2025	THDH	K68TMDTB	TH02038	Mạng máy tính		8.00	135,000	1,080,000				8.00	1,080,000		1,080,000	
5	MG418	Giang Thi Huệ	GV và TD	69/HDTG-HVN-CNTT	08/08/2025	THDH	K68TMDTB	TH02038	Mạng máy tính		8.00	135,000	1,080,000				8.00	1,080,000		1,080,000	
6	MG418	Giang Thi Huệ	GV và TD	69/HDTG-HVN-CNTT	08/08/2025	THDH	K68TMDTC	TH02038	Mạng máy tính		8.00	135,000	1,080,000				8.00	1,080,000		1,080,000	
7	MG418	Giang Thi Huệ	GV và TD	69/HDTG-HVN-CNTT	08/08/2025	THDH	K68TMDTC	TH02038	Mạng máy tính		8.00	135,000	1,080,000				8.00	1,080,000		1,080,000	
8	MG418	Giang Thi Huệ	GV và TD	69/HDTG-HVN-CNTT	08/08/2025	GKDH	K68TMDTB	TH02038	Mạng máy tính		3.60	135,000	486,000				3.60	486,000		486,000	
9	MG418	Giang Thi Huệ	GV và TD	69/HDTG-HVN-CNTT	08/08/2025	GKDH	K68TMDTC	TH02038	Mạng máy tính		3.00	135,000	405,000				3.00	405,000		405,000	
10	MG418	Giang Thi Huệ	GV và TD	69/HDTG-HVN-CNTT	08/08/2025	LTKN	KETNOI	TH91084	CNTT và chuyển đổi số		6.00	135,000	810,000				6.00	810,000		810,000	
11	MG418	Giang Thi Huệ	GV và TD	69/HDTG-HVN-CNTT	08/08/2025	LTKN	KETNOI	TH91084	CNTT và chuyển đổi số		24.00	135,000	3,240,000				24.00	3,240,000		3,240,000	
12	MG441	Thần Thị Huyền	GV và TD	70/HDTG-HVN-CNTT	08/08/2025	LTKN	KETNOI	TH91084	CNTT và chuyển đổi số		24.00	135,000	3,240,000				24.00	3,240,000		3,240,000	
13	MG441	Thần Thị Huyền	GV và TD	70/HDTG-HVN-CNTT	08/08/2025	LTKN	KETNOI	TH91084	CNTT và chuyển đổi số		24.00	135,000	3,240,000				24.00	3,240,000		3,240,000	
14	MG457	Dương Thị Loan	GV và TD	68/HDTG-HVN-CNTT	08/08/2025	LTKN	KETNOI	TH91084	CNTT và chuyển đổi số		24.00	135,000	3,240,000				24.00	3,240,000		3,240,000	
15	MG457	Dương Thị Loan	GV và TD	68/HDTG-HVN-CNTT	08/08/2025	LTKN	KETNOI	TH91084	CNTT và chuyển đổi số		24.00	135,000	3,240,000				24.00	3,240,000		3,240,000	
16	MG457	Dương Thị Loan	GV và TD	68/HDTG-HVN-CNTT	08/08/2025	LTKN	KETNOI	TH91084	CNTT và chuyển đổi số		9.00	135,000	1,215,000				9.00	1,215,000		1,215,000	
17	MG458	Trịnh Thị Nhâm	GV và TD	67/HDTG-HVN-CNTT	08/08/2025	LTKN	KETNOI	TH91084	CNTT và chuyển đổi số		24.00	135,000	3,240,000				24.00	3,240,000		3,240,000	
18	MG458	Trịnh Thị Nhâm	GV và TD	67/HDTG-HVN-CNTT	08/08/2025	LTKN	KETNOI	TH91084	CNTT và chuyển đổi số		24.00	135,000	3,240,000				24.00	3,240,000		3,240,000	
19	MG458	Trịnh Thị Nhâm	GV và TD	67/HDTG-HVN-CNTT	08/08/2025	LTKN	KETNOI	TH91084	CNTT và chuyển đổi số		6.00	135,000	810,000				6.00	810,000		810,000	
20	MG459	Dặng Thị Thanh Bình	GV và TD	66/HDTG-HVN-CNTT	08/08/2025	LTKN	KETNOI	TH91084	CNTT và chuyển đổi số		6.00	135,000	810,000				6.00	810,000		810,000	
21	MG459	Dặng Thị Thanh Bình	GV và TD	66/HDTG-HVN-CNTT	08/08/2025	LTKN	KETNOI	TH91084	CNTT và chuyển đổi số		6.00	135,000	810,000				6.00	810,000		810,000	
22	MG459	Dặng Thị Thanh Bình	GV và TD	66/HDTG-HVN-CNTT	08/08/2025	LTKN	KETNOI	TH91084	CNTT và chuyển đổi số		24.00	135,000	3,240,000				24.00	3,240,000		3,240,000	
23	MOI68	Trần Thị Lan Hương	GVC và TD	79/HDTG-HVN-VSVTN	01/08/2025	LTCH	CH33TYC CH33TYD6	VTN7012	Vì khuẩn học thú y				10.00	210,000	2,100,000	10.00	2,100,000		2,100,000		
29	MOI68	Trần Thị Lan Hương	GVC và TD	79/HDTG-HVN-VSVTN	01/08/2025	GKCH	CH33TYC CH33TYD6	VTN7012	Vì khuẩn học thú y				0.10	210,000	21,000	0.10	21,000		21,000		
30	MOI68	Trần Thị Lan Hương	GVC và TD	79/HDTG-HVN-VSVTN	01/08/2025	CKCH	CH33TYC CH33TYD6	VTN7012	Vì khuẩn học thú y				0.30	210,000	63,000	0.30	63,000		63,000		

STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Mã Chức danh	Hợp đồng thỉnh giảng		Mã loại hình	Mã lớp	Mã học phần	Tên học phần	Giờ đại học/cao đẳng			Giờ sau đại học			Tổng số giờ (giờ)	Tổng số tiền (đồng)	Đã nhận/ Chi trả (đồng)*	Còn lại (đồng)	Ghi chú
					Số, ký hiệu	Ngày, tháng, năm					Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)					
26	MO168	Trần Thị Lan	Hương	GVC và TD	79/HDTG-HVN-VSVTN	01/08/2025	LTCH	CH33TYC CH33TYD6	VTN7025	Miền dịch học thú y nâng cao				10.00	210,000	2,100,000	10.00	2,100,000		2,100,000	
29	MO168	Trần Thị Lan	Hương	GVC và TD	79/HDTG-HVN-VSVTN	01/08/2025	GKCH	CH33TYC CH33TYD6	VTN7025	Miền dịch học thú y nâng cao				0.40	210,000	84,000	0.40	84,000		84,000	
30	MO168	Trần Thị Lan	Hương	GVC và TD	79/HDTG-HVN-VSVTN	01/08/2025	CKCH	CH33TYC CH33TYD6	VTN7025	Miền dịch học thú y nâng cao				1.10	210,000	231,000	1.10	231,000		231,000	
29	MO168	Trần Thị Lan	Hương	GVC và TD	79/HDTG-HVN-VSVTN	01/08/2025	LTCH	CH33TYCU6	VTN7029	Vi khuẩn học thú y ứng dụng				10.00	210,000	2,100,000	10.00	2,100,000		2,100,000	
30	MO168	Trần Thị Lan	Hương	GVC và TD	79/HDTG-HVN-VSVTN	01/08/2025	GKCH	CH33TYCU6	VTN7029	Vi khuẩn học thú y ứng dụng				0.20	210,000	42,000	0.20	42,000		42,000	
31	MO168	Trần Thị Lan	Hương	GVC và TD	79/HDTG-HVN-VSVTN	01/08/2025	CKCH	CH33TYCU6	VTN7029	Vi khuẩn học thú y ứng dụng				0.40	210,000	84,000	0.40	84,000		84,000	
32	TG277	Tô Long	Thành	PGS	78/HDTG-HVN-VSVTN	01/08/2025	LTCH	CH33TYC CH33TYD6	VTN7013	Virus học thú y				10.00	225,000	2,250,000	10.00	2,250,000		2,250,000	
33	TG277	Tô Long	Thành	PGS	78/HDTG-HVN-VSVTN	01/08/2025	GKCH	CH33TYC CH33TYD6	VTN7013	Virus học thú y				0.30	225,000	67,500	0.30	67,500		67,500	
34	TG277	Tô Long	Thành	PGS	78/HDTG-HVN-VSVTN	01/08/2025	CKCH	CH33TYC CH33TYD6	VTN7013	Virus học thú y				0.70	225,000	157,500	0.70	157,500		157,500	
35	TG558	Vũ Công	Cánh	GV và TD	81/HDTG-HVN-DL	12/11/2025	LTDH	LDB4	CD03334	Thiết bị xướng ô tô	22.00	135,000	2,970,000				22.00	2,970,000		2,970,000	
36	TG558	Vũ Công	Cánh	GV và TD	81/HDTG-HVN-DL	12/11/2025	THDH	LDB4	CD03334	Thiết bị xướng ô tô	8.00	135,000	1,080,000				8.00	1,080,000		1,080,000	
37	TG558	Vũ Công	Cánh	GV và TD	81/HDTG-HVN-DL	12/11/2025	GKDH	LDB4	CD03334	Thiết bị xướng ô tô											
44	TG558	Vũ Công	Cánh	GV và TD	81/HDTG-HVN-DL	12/11/2025	CKDH	LDB4	CD03334	Thiết bị xướng ô tô	0.10	135,000	13,500				0.10	13,500		13,500	
39	TG581	Ngô Thị Thanh	Tâm	GVC và TD	01/HDTG-HVN-DL&NN	08/08/2025	LTDH	T.ANH0	DN91039	Tiếng Anh 0	1.00	150,000	150,000				1.00	150,000		150,000	BS Lớp đồng
40	TG581	Ngô Thị Thanh	Tâm	GVC và TD	01/HDTG-HVN-DL&NN	08/08/2025	LTDH	T.ANH0	DN91039	Tiếng Anh 0	0.50	150,000	75,000				0.50	75,000		75,000	BS Lớp đồng
41	TG581	Ngô Thị Thanh	Tâm	GVC và TD	01/HDTG-HVN-DL&NN	08/08/2025	LTDH	T.ANH0	DN91039	Tiếng Anh 0	0.50	150,000	75,000				0.50	75,000		75,000	BS Lớp đồng
42	TG581	Ngô Thị Thanh	Tâm	GVC và TD	01/HDTG-HVN-DL&NN	08/08/2025	LTDH	T.ANH2	SN01033	Tiếng Anh 2	0.80	150,000	120,000				0.80	120,000		120,000	BS Lớp đồng
43	TG581	Ngô Thị Thanh	Tâm	GVC và TD	01/HDTG-HVN-DL&NN	08/08/2025	LTDH	T.ANH2	SN01033	Tiếng Anh 2	0.80	150,000	120,000				0.80	120,000		120,000	BS Lớp đồng
44	TG581	Ngô Thị Thanh	Tâm	GVC và TD	01/HDTG-HVN-DL&NN	08/08/2025	LTDH	T.ANH2	SN01033	Tiếng Anh 2	0.80	150,000	120,000				0.80	120,000		120,000	BS Lớp đồng
		Tổng cộng									298.10		40,309,500	49.20		10,383,000	347.30	50,692,500		50,692,500	

Tổng số tiền thanh toán: 50,692,500 đồng

Bằng chữ: Năm mươi triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng/.

* Số Đã nhận/Chi trả: Do kỳ 1 năm học 2023-2024 tính nhằm đơn giá thanh toán

